DOWACO	**TỔNG CÔNG TY SONADEZI** **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI** **VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ** **CÔNG BỐ THÔNG TIN** **KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG** **NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM**	**MẪU SỐ 2** **KQKTCL** **NĂM 2024**

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: **NƯỚC SÔNG ĐỒNG NAI**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Biên Hòa (ĐĐ: P. Quyết Thắng, CS: 36.000m^3/ngày)		CNCN Long Bình (ĐĐ: P.Tân Biên, CS: 30.000m^3/ngày)		CNCN Thiện Tân (ĐĐ: P.Tân Biên, CS: 200.000m^3/ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
02 Tuần 3	A	/	/	/	/	3	100	

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Nhơn Trạch (ĐĐ: P. Tân Biên, CS:100.000m^3/ngày)		CNCN Thạnh Phú (ĐĐ: Xã Thiện Tân, CS: 30.000m^3/ngày)		CNCN Long Thành		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
02 Tuần 3	A	/	/	/	/	6	100	

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: **NƯỚC HỒ**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Vĩnh An (ĐĐ: Hồ trị An, CS:4.800m^3/ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Núi Le, CS: 7.000m^3/ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Gia Ui, CS: 10.000m^3/ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Ba Giọt, CS: 4.6000m^3/ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
02 Tuần 3	A	/	/	6	100	6	100	/	/	

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: **NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Vĩnh An (ĐĐ: TT Trảng Bom, CS: 2.000m^3/ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: TT Tân Phú, CS: 2.500m^3/ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
02 Tuần 3	A	/	/	10	100	

Ghi chú: Dấu (/): Không thực hiện.

Biên Hòa, ngày 04 tháng 03 năm 2024

TUQ. GIÁM ĐỐC

TP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Võ Thanh Phương

DOWACO	**TỔNG CÔNG TY SONADEZI** **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI** **CÔNG BỐ THÔNG TIN** **KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM**	**MẪU SỐ 1** **KQKTCL** Năm: 2024

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC TUẦN 3 THÁNG 02 NĂM 2024

QCVN 01-1: 2018/BYT

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
1	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Nước sinh hoạt.	Trạm cấp nước KCN Giang Điền - KCN Giang Điền, Trảng Bom, Đồng Nai	27/02/2024	_	7.39	0.33	Không mùi, vị lạ	0.35	0.81	0/100ml	0/100ml	Đạt
2		Nước sinh hoạt.	Nhà dân - Số 161F, đường 3/2, KP5, thị trấn Trảng Bom, Đồng Nai.	27/02/2024	_	7.42	0.17	Không mùi, vị lạ	0.30	0.67	0/100ml	0/100ml	Đạt
3		Nước sinh hoạt.	Đồng hồ D300 - KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.	27/02/2024	_	7.41	0.79	Không mùi, vị lạ	0.28	1.11	0/100ml	0/100ml	Đạt
4	Chi nhánh cấp nước Long Thành.	Nước sinh hoạt.	Trạm bơm Nhơn Trạch.	27/02/2024	_	7.20	0.17	Không mùi, vị lạ	0.45	1.04	0/100ml	0/100ml	Đạt
5		Nước sinh hoạt.	Ngã tư Tín Nghĩa.	27/02/2024	_	7.28	0.23	Không mùi, vị lạ	0.42	1.18	0/100ml	0/100ml	Đạt
6		Nước sinh hoạt.	KCN Nhơn Phú.	27/02/2024	_	7.34	0.34	Không mùi, vị lạ	0.40	1.18	0/100ml	0/100ml	Đạt
7		Nước sinh hoạt.	Trạm Tam Phước	27/02/2024	_	7.39	0.21	Không mùi, vị lạ	0.35	1.87	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị		Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
8	Chi nhánh cấp nước Long Thành.		Nước sinh hoạt.	KCN Long Thành	27/02/2024	_	7.19	0.24	Không mùi, vị lạ	0.30	2.51	0/100ml	0/100ml	Đạt
9			Nước sinh hoạt.	UBND huyện Long Thành.	27/02/2024	_	7.35	0.19	Không mùi, vị lạ	0.45	0.89	0/100ml	0/100ml	Đạt
10	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Trạm Gia Ray	Nước sinh hoạt.	Trạm Gia Ray	27/02/2024	_	7.26	0.55	Không mùi, vị lạ	0.60	2.59	0/100ml	0/100ml	Đạt
11			Nước sinh hoạt.	Khu 1 - Thị trấn Gia Ray	27/02/2024	_	7.29	0.58	Không mùi, vị lạ	0.35	2.74	0/100ml	0/100ml	Đạt
12			Nước sinh hoạt.	Khu 3 - Thị trấn Gia Ray	27/02/2024	_	7.13	0.67	Không mùi, vị lạ	0.35	2.89	0/100ml	0/100ml	Đạt
13			Nước sinh hoạt.	Khu 4 - Thị trấn Gia Ray	27/02/2024	_	7.12	0.59	Không mùi, vị lạ	0.30	2.44	0/100ml	0/100ml	Đạt
14			Nước sinh hoạt.	Ấp Tam Hiệp, xã Xuân Hiệp	27/02/2024	_	7.24	0.54	Không mùi, vị lạ	0.30	2.66	0/100ml	0/100ml	Đạt
15		Trạm Tâm Hưng Hòa	Nước sinh hoạt.	Trạm Tâm Hưng Hòa	27/02/2024	_	7.20	0.49	Không mùi, vị lạ	0.60	2.29	0/100ml	0/100ml	Đạt
16			Nước sinh hoạt.	Ấp 1, xã Xuân Tâm	27/02/2024	_	7.10	0.63	Không mùi, vị lạ	0.35	3.63	0/100ml	0/100ml	Đạt
17			Nước sinh hoạt.	Ấp 2, xã Xuân Tâm	27/02/2024	_	7.17	0.73	Không mùi, vị lạ	0.35	3.18	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị		Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
18	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Trạm Tâm Hưng Hòa	Nước sinh hoạt.	Ấp 1, xã Xuân Hưng	27/02/2024	_	7.01	0.66	Không mùi, vị lạ	0.30	3.11	0/100ml	0/100ml	Đạt
19			Nước sinh hoạt.	Ấp 2, xã Xuân Hưng	27/02/2024	_	7.11	0.62	Không mùi, vị lạ	0.30	2.59	0/100ml	0/100ml	Đạt
20		Trạm Sông Ray	Nước sinh hoạt.	Giếng khoan trạm Sông Ray	27/02/2024	_	7.48	0.21	Không mùi, vị lạ	0.50	0.52	0/100ml	0/100ml	Đạt
21			Nước sinh hoạt.	Xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ	27/02/2024	_	7.74	0.23	Không mùi, vị lạ	0.40	0.37	0/100ml	0/100ml	Đạt
22		Trạm Tân Phú	Nước sinh hoạt.	Giếng 1 - Trạm Tân Phú.	27/02/2024	_	7.00	0.05	Không mùi, vị lạ	0.40	0.07	0/100ml	0/100ml	Đạt
23			Nước sinh hoạt.	Giếng 2 - Trạm Tân Phú.	27/02/2024	_	6.82	0.05	Không mùi, vị lạ	0.45	0.15	0/100ml	0/100ml	Đạt
24			Nước sinh hoạt.	Giếng 3 - Trạm Tân Phú.	27/02/2024	_	6.85	0.08	Không mùi, vị lạ	0.40	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
25			Nước sinh hoạt.	Giếng 4 - Trạm Tân Phú.	27/02/2024	_	6.94	0.05	Không mùi, vị lạ	0.40	0.89	0/100ml	0/100ml	Đạt
26			Nước sinh hoạt.	Giếng 5 - Trạm Tân Phú.	27/02/2024	_	6.76	0.03	Không mùi, vị lạ	0.45	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị		Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
27	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Trạm Tân Phú	Nước sinh hoạt.	Giếng 7 - Trạm Tân Phú.	27/02/2024	_	6.81	0.10	Không mùi, vị lạ	0.40	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
28			Nước sinh hoạt.	KP3, Tà Lài.	27/02/2024	_	6.87	0.16	Không mùi, vị lạ	0.50	0.52	0/100ml	0/100ml	Đạt
29			Nước sinh hoạt.	KP8, Lương Thế Vinh.	27/02/2024	_	7.09	0.10	Không mùi, vị lạ	0.50	0.15	0/100ml	0/100ml	Đạt
30			Nước sinh hoạt.	Ấp 2, xã Phú Lộc.	27/02/2024	_	6.96	0.02	Không mùi, vị lạ	0.50	0.22	0/100ml	0/100ml	Đạt
31			Nước sinh hoạt.	KCN Tân Phú.	27/02/2024	_	6.91	0.02	Không mùi, vị lạ	0.45	0.74	0/100ml	0/100ml	Đạt

Ghi chú:

Dấu (-) : Do đơn vị tự lấy mẫu.

Biên Hòa, ngày 04 tháng 03 năm 2024

TUQ. GIÁM ĐỐC

TP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Võ Thành Phương